

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HSPT
Ngày: 19/02/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Tấn K1, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn K1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2019/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Tấn K1, sinh ngày 17/01/2002 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 17 tuổi 06 tháng 12 ngày); tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Phong Phú, xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn K3, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tấn K2: Ông Nguyễn Tấn K3, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; cùng nơi cư trú: Thôn Phong Phú, xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; là cha, mẹ đẻ của bị cáo; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn K2: Ông Nguyễn Ninh, Luật sư – Trợ giúp viên pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên cử; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 29/7/2019, Nguyễn Tấn K2 điều khiển xe mô tô biển số 78H1-354.29 đi trên đường Hùng Vương theo hướng Bắc – Nam; đến đoạn đường thuộc thôn Liên Trì 2, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, thấy trên бага xe mô tô của chị Võ Thị Kim C đang đi cùng chiều có một túi xách; do cần tiền sửa xe nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. K2 điều khiển xe mô tô vượt lên trên, áp sát, dùng tay giật lấy túi

xách của chị C bên trong có 16.700.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 7 plus; vì túi xách có móc dây nên rơi xuống đường, còn K2 điều khiển xe bỏ chạy.

Tại bản kết luận định giá ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Tuy Hòa kết luận: 01 điện thoại Iphone 7 plus trị giá 8.000.000 đồng; 01 túi xách trị giá 100.000 đồng. Tổng cộng 8.100.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tuyên Nguyễn Tấn K2 phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng Điểm d, Khoản 2 Điều 171; Điểm h, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Phạt Nguyễn Tấn K2 – 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2019, bị cáo Nguyễn Tấn K2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn K2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do cần tiền sửa xe mô tô của cha, mẹ mà bị cáo sử dụng làm hư hỏng; khoảng 16 giờ ngày 29/7/2019, khi đang điều khiển xe mô tô lưu hành trên đường Hùng Vương, thuộc thôn Liên Trì 2, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa; phát hiện trên бага giữa xe mô tô của chị Võ Thị Kim C đang đi cùng chiều có một túi xách, Nguyễn Tấn K2 đã nhanh chóng tiếp cận, chớp giật tài sản có tổng giá trị 24.800.000 đồng, rồi tẩu thoát. Nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo về tội: “Cướp giật tài sản” theo Điểm d, Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi sử dụng phương tiện là nguồn nguy hiểm cao độ, nhanh chóng tiếp cận, chớp giật tài sản của người bị hại, khi họ cũng đang tham gia giao thông là thể hiện tính chất phạm tội nguy hiểm cao độ, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại; nên khi lượng hình, án sơ thẩm đã quyết định hình phạt tù, không cho bị cáo hưởng án treo; và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo là thỏa đáng. Tuy nhiên, bị cáo là người dưới 18 tuổi, tính đến thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 06 tháng 12 ngày; mặt khác, bị cáo phạm tội nhưng không lấy được tài sản là thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và gây

thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại cấp phúc thẩm được người bị hại tiếp tục làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[3] Bị cáo kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn K2 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo – Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điểm d, Khoản 2 Điều 171; Điểm h, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1, Điều 54; Khoản 3, Điều 57; Điều 91; Khoản 1, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn K2 – 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Tấn K2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng (1);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng (1);
- TAND Tp Tuy Hòa (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng

